TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số:21/2018/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 5 năm 2018
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM – TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trung Thành
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Lê Thanh Văn
2/ Ông Lê Quý Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoa Kim Cúc - Thư ký tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: (không có).

Ngày 03/5/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 74/2018/TLST- HNGĐ ngày 26/3/2018 về việc "ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị T- Sinh năm: 1996; Địa chỉ nơi cư trú: 211/1 ấp AB, xã AQ, huyện T, tỉnh Bến Tre. (Có mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn Thành T- Sinh năm: 1990; Địa chỉ nơi cư trú: đội 2, thôn VT, xã C, huyện CL, tỉnh Khánh Hòa. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/3/2018 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Ngô Thị Ttrình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Chị T và anh Nguyễn Thành T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014; có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 21/7/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên kình cãi nhau, nguyên nhân do anh T sống thiếu trách nhiệm với gia đình. Vợ chồng đã tự hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được tình cảm. Chị T và anh T đã ly thân từ năm 2015 đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Vì vậy, Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2011. Cháu Tr khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất tinh thần. Sau khi ly hôn Chị T giao cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Chị T không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:

Về yêu cầu ly hôn: Anh Nguyễn Thành T và chị Ngô Thị T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014; có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 21/7/2014 đúng như Chị T trình bày.

Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng ly thân từ năm 2015 đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Hiện tại anh T không còn tình cảm với Chị T nhưng vì theo đạo thiên chúa không được phép ly hôn nên anh T không đồng ý ly hôn.

Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con*:* anh T và Chị T có 01 con chung đúng như Chị T trình bày. Sau khi ly hôn anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tr và không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: anh Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa Chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thành T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu ly hôn: Chị T và anh T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2014; có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã C và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, ngày 21/7/2014. Đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống giữa Chị T và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không thật sự thương yêu, quý trọng nhau; chị T, anh T đã sống ly thân từ năm 2015 và không còn quan tâm đến nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa Chị T và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, Chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2011. tại phiên hòa giải ngày 19/4/2018 và tại phiên tòa, Chị T và anh T thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Tr cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con. Thỏa thuận của Chị T và anh T là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhân.

[4] Về chia tài sản khi ly hôn: Chị T và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Ngô Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

2. Về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: công nhận sự thỏa thuận của chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thành T về việc giao cháu Nguyễn Hoàng Bảo Tr, sinh ngày 15/11/2011 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh T không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về chia tài sản khi ly hôn: chị Ngô Thị T và anh Nguyễn Thành T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ngô Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2012/0009919 ngày 19/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm, Chị T đã nộp đủ án phí án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

5. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện Cam Lâm;
- UBND xã Cam An Nam;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Thành